

Số: 750/2020/QĐST-HNGĐ

*Củ Chi, ngày 18 tháng 8 năm 2020*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 443/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2020, giữa:

\* Nguyên đơn: Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Số 11 đường 426, Tổ 2, Ấp 1, xã A, huyện B, Thành phố C.

\* Bị đơn: Bà Trần Thị S, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Số 11 đường 426, Tổ 2, Ấp 1, xã A, huyện B, Thành phố C.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 8 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Ông Lê Văn Đ và bà Trần Thị S đã được Ủy ban nhân dân huyện D, Thành phố C cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 169/ĐKTH, quyền số 01/1996 ngày 24/5/1996.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 8 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Lê Văn Đ và bà Trần Thị S.

**2.** Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

\* Về con chung: Có 03 (ba) trẻ tên Lê Mỹ T, sinh năm 1995, Lê Thị Quyền N, sinh năm 1998 (đã trưởng thành) và Lê P, sinh ngày 22/02/2014.

Bà Trần Thị S được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê P, sinh ngày 22/02/2014. Ghi nhận sự tự nguyện của bà S không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Khi có lý do chính đáng việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Việc thay đổi cấp dưỡng nuôi con do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Đ được quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

\* Về tài sản chung: Ông Lê Văn Đ và bà Trần Thị S cùng xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Về nợ chung: Ông Lê Văn Đ và bà Trần Thị S cùng xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng ông Lê Văn Đ tự nguyện nộp nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0083820 ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi; ông Đ được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện B;
- UBND huyện D, Thành phố C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Châu Thị Thanh Thà**